| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 351/2018/DS-PT
Ngày: 01-11-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Em**.

*Các Thẩm phán*: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Võ Trung Hiếu**, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần B**

Địa chỉ: số 4, đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ngô Quang T- Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Trần Văn Bé H - Chức vụ giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền số 224/2016/UQ-XLN ngày 25/10/2016)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Bé H*: Bà **Nguyễn Ngọc Tuyết N** - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B (theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2016) (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1971; (có mặt)

2. Anh **Đoàn Thanh N,** sinh năm 1967; (vắng mặt)

Chị C, anh N cùng địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị C, Đoàn Thanh N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hang TMCP B trình bày:*

Ngày 16/12/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần B (viết tắc là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng trung hạn số 0182/03115/04 HĐTDTLTDH với ông Đoàn Thanh N và bà Phạm Thị C, số tiền vay là 960.000.000đ, thời hạn vay là 156 tháng, mục đích vay là tái tài trợ khoản vay dài hạn xây dựng nhà ở tại Ngân hàng ACB , lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi phạt chậm trả 150% lãi suất trong hạn và được tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, mức lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo lãi suất do ngân hàng công bố trong từng thời kỳ.

Tài sản để đảm bảo khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Phạm Thị C và ông Đoàn Thanh N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 2119, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH003 do Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2013 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 015/0311/01A.HĐTCQSDĐ ngày 16/12/2015 gồm tài sản thế chấp là diện tích đất 495,4m$^2$ ( trong đó có 269,4m$^2$ đất cây lâu năm và 226m$^2$ đất ở tại nông thôn), thửa 2655, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm nhà ở có diện tích xây dựng 169m$^2$, diện tích sàn 321,8m$^2$, kết cấu vách tường, cột bê tông cốt thép, nền Ceramic, trần lima, sàn bê tông cốt thép, kèo bê tông cốt thép, mái ngói, cấp IV, nhà 02 tầng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị C và ông Đoàn Thanh N đã vi phạm về thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng theo Điều 4 và 5 của Hợp đồng tín dụng từng lần trung dài hạn số : 0182/03115/04.HDTDTLTDH, cụ thể vi phạm về trả vốn là từ lúc vay đến nay bà C và ông N chưa trả vốn; vi phạm về trả lãi, cụ thể từ lúc vay đến nay trả lãi được 6 tháng, đợi sau cùng là ngày 16/6/2016, từ ngày 16/6/2016 đến nay không có trả lãi cho Ngân hàng.

Tổng số tiền bà Phạm Thị C, ông Đoàn Thanh N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh Tiền Giang đến ngày 14/6/2018

+ Nợ vốn vay: 960.000.000đ

+ Lãi trong hạn : 181.805.948đ

+ Lãi phạt chậm trả lãi: 28.170.016đ

+ Lãi và lãi phạt chậm trả vốn: 29.745.231đ

Tổng cộng: 1.199.721.195đ

Nay yêu cầu bà Phạm Thị C và ông Đoàn Thanh N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh Tiền Giang toàn bộ khoản nợ hiện còn nợ đến ngày 14/6/2018, trong đó:

+ Nợ vốn vay: 960.000.000đ

+ Lãi trong hạn : 181.805.948đ

+ Lãi phạt chậm trả lãi: 28.170.016đ

+ Lãi và lãi phạt chậm trả vốn: 29.745.231đ

Tổng cộng: 1.199.721.195đ

Và lãi phát sinh từ ngày 15/6/2018 cho đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng các bên ký kết.

Trường hợp bà C và ông N không trả các khoản nợ trên, yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành thủ tục phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Bị đơn chị Phạm Thị C, anh Đoàn Thanh N trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nêu trên và số tiền vốn và lãi còn nợ Ngân hàng và thừa nhận có vi phạm hợp đồng tín dụng là không trả vốn và lãi như trình bày của bên nguyên đơn, cụ thể sau khi vay chưa trả vốn cho Ngân hàng, lãi chỉ trả được 06 tháng, trả lãi đến tháng 6 năm 2016 thì ngưng. Nay chị C và anh N thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 14/6/2018 tổng cộng là 1.199.721.195 đồng. Trong thời gian qua gia đình anh chị kinh doanh gặp nhiều khó khăn, rủi ro dẫn đến thất thoát thua lỗ nên không thực hiện việc trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Nay chị C và anh N đồng ý trả tiền vốn và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuy nhiên xin Ngân hàng cho trả như sau: tháng 12 năm 2018 trả ½ tiền vốn, đến tháng 12 năm 2019 trả ½ tiền vốn còn lại, sau khi trả tiền vốn xong sẽ trả tiền lãi cho Ngân hàng.

- Bản án sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ khoản 5 Điều 474, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc chị Phạm Thị C, anh Đoàn Thanh N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn, lãi tính đến ngày 14/6/2018 là 1.199.721.195 đồng (một tỷ một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2018

cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 0182/03115/04.HDTDTLTDH ngày 16/12/2015; thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Đoàn Thanh N và chị Phạm Thị C trả xong hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh Tiền Giang trả cho anh N và chị C bản chính giấy tờ về tài sản thế chấp.

Chị Phạm Thị C, anh Đoàn Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: diện tích đất 495,4m$^2$ (trong đó có 269,4m$^2$ đất cây lâu năm và 226m$^2$ đất ở tại nông thôn), thửa 2655, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm nhà ở có diện tích xây dựng 169m$^2$, diện tích sàn 321,8m$^2$, kết cấu vách tường, cột bê tông cốt thép, nền Ceramic, trần lima, sàn bê tông cốt thép, kèo bê tông cốt thép, mái ngói, cấp IV, nhà 02 tầng của chị Phạm Thị C và anh Đoàn Thanh N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 572119, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00369 do Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2013 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0015/0315/01A.HĐTCQSDĐ ngày 16/12/2015.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 03/7/2018, bị đơn Phạm Thị C, Đoàn Thanh N kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận cho anh chị được trả ½ tiền vốn vào tháng 12/2018; đến tháng 12/2019 trả ½ tiền vốn còn lại. Sau khi trả tiền vốn xong sẽ trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được chia thời gian trả nợ làm 02 lần và trả lãi sau khi trả xong vốn vì hiện nay gia đình anh chị gặp khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo xin trả tiền vốn vào tháng 12/2018 và tháng 12/2019 và trả lãi sau khi trả vốn xong nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới và không được phía nguyên đơn đồng ý nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Hợp đồng vay tài sản" là phù hợp Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đối với anh Đoàn Thanh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự thống nhất chị C và anh N có vay của Ngân hàng TMCP B-chi nhánh Tiền Giang số tiền 960.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0182/03115/04.HDTDTLTDH ngày 16/12/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị C và anh N đã không trả vốn và lãi đúng hạn, nên Ngân hàng khởi kiện bị đơn yêu cầu trả vốn và lãi phát sinh là có cơ sở phù hợp Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đại diện ngân hàng và chị C, anh N xác nhận đến ngày 14/6/2018 phía bị đơn còn nợ 960.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi 239.451.195 đồng (gồm lãi trong hạn, lãi phạt và tiền phạt). Tổng cộng 1.199.721.195 đồng.

Chị C và anh N kháng cáo cho rằng anh chị làm ăn thua lỗ, không có thu nhập ổn định nên không khả năng thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên một lần, nên xin gia hạn thời hạn thanh toán, thanh toán làm 02 lần, lần 01 anh chị sẽ trả ½ tiền vốn vào tháng 12/2018, lần 02 trả tiếp ½ tiền vốn vào tháng 12/2019, khi thanh toán xong vốn, anh chị sẽ trả lãi cho Ngân hàng. Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, anh N và chị C không có cung cấp được chứng cứ chứng minh và đại diện ngân hàng không đồng ý yêu cầu của bị đơn.

Tòa sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của ngân hàng buộc bị đơn trả tổng vốn và lãi tính đến ngày 14/6/2018 1.199.721.195 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2018 cho đến khi hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh N, chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị C và anh Đoàn Thanh N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc chị Phạm Thị C, anh Đoàn Thanh N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B– chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn, lãi tính đến ngày 14/6/2018 là 1.199.721.195 đồng (một tỷ một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2018 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 0182/03115/04.HDTDTLTDH ngày 16/12/2015; thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Đoàn Thanh N và chị Phạm Thị C trả xong hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần B– chi nhánh Tiền Giang trả cho anh N và chị C bản chính giấy tờ về tài sản thế chấp.

Chị Phạm Thị C, anh Đoàn Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: diện tích đất 495,4m$^2$ (trong đó có 269,4m$^2$ đất cây lâu năm và 226m$^2$ đất ở tại nông thôn), thửa 2655, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm nhà ở có diện tích xây dựng 169m$^2$, diện tích sàn 321,8m$^2$, kết cấu vách tường, cột bê tông cốt thép, nền Ceramic, trần lima, sàn bê tông cốt thép, kèo bê tông cốt thép, mái ngói, cấp IV, nhà 02 tầng của chị Phạm Thị C và anh Đoàn Thanh N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 572119, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00369 do Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2013 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0015/0315/01A.HĐTCQSDĐ ngày 16/12/2015.

2. Về án phí:

+ Chị Phạm Thị C và anh Đoàn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 47.991.635 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh N, chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008519 ngày 03/7/2018 của Chi Cục thi hành án huyện C được cấn trừ, chị C và anh N còn nộp tiếp 47.991.635 đồng.

+ Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 22.065.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 26401 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-T

**Trần Thị Kim Em**